

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
HẠNG MỤC KHU TÁI ĐỊNH CƯ KIÊN LONG, XÃ BÌNH AN PHỤC VỤ
BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC QUY NHƠN – PLEIKU

(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____ / ____/2025 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Hàng mục Khu tái định cư Kiên Long, xã Bình An phục vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku.

- Địa điểm thực hiện: Xã Bình An, tỉnh Gia Lai.

- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh Gia Lai.

- Địa chỉ liên hệ: Số 705 Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

1.2. Quy mô, công suất

- Tổng diện tích thực hiện dự án: 101.043,66 m².

Mốc	Tọa độ VN2000, múi 3⁰		Mốc	Tọa độ VN2000, múi 3⁰	
	X	Y		X	Y
M1	1.541.317,88	572.755,97	M22	1.540.960,39	572.763,79
M2	1.541.316,98	572.763,62	M23	1.540.969,34	572.773,36
M3	1.541.311,48	572.767,93	M24	1.540.986,22	572.770,19
M4	1.541.284,78	573.152,60	M25	1.541.033,02	572.759,20
M5	1.541.279,87	573.153,87	M26	1.541.045,99	572.754,96
M6	1.541.222,13	573.168,89	M27	1.541.047,79	572.759,21
M7	1.541.221,27	573.178,68	M28	1.541.054,71	572.756,32
M8	1.541.212,27	573.181,66	M29	1.541.079,10	572.738,51
M9	1.541.213,38	573.166,08	M30	1.541.088,33	572.727,68
M10	1.541.094,72	573.007,19	M31	1.541.097,65	572.733,55
M11	1.541.098,69	573.004,16	M32	1.541.095,86	572.736,39
M12	1.541.087,39	572.989,03	M33	1.541.098,48	572.742,96
M13	1.541.084,98	572.990,80	M34	1.541.101,78	572.743,80
M14	1.540.945,94	572.804,63	M35	1.541.114,59	572.747,46

Mốc	Tọa độ VN2000, múi 3⁰		Mốc	Tọa độ VN2000, múi 3⁰	
	X	Y		X	Y
M15	1.540.945,55	572.799,10	M36	1.541.124,88	572.750,85
M16	1.540.938,68	572.789,89	M37	1.541.132,76	572.748,51
M17	1.540.927,54	572.788,00	M38	1.541.176,88	572.693,44
M18	1.540.936,57	572.787,02	M39	1.541.176,37	572.693,13
M19	1.540.953,31	572.783,01	M40	1.541.178,44	572.689,71
M20	1.540.958,10	572.757,48	M41	1.541.263,09	572.741,17
M21	1.540.961,57	572.758,21	M42	1.541.299,50	572.753,76

- Quy mô: gồm 260 lô đất ở, quy mô dân số dự kiến khoảng 1.040 người.

- Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Thành phần đất	Ký hiệu	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở đô thị	ODT	28.560,20	28,27
1.1	Đất ở xây dựng nhà liên kế (255 lô)	LK	28.006,20	
1.2	Đất ở tái định cư (5 lô)	TDC	554,00	
2	Đất công trình dịch vụ công cộng	CCC	7.202,00	7,13
2.1	Đất nhà sinh hoạt cộng đồng	DSH	3.601,00	
2.2	Đất giáo dục (Trường mẫu giáo)	MG	3.601,00	
3	Đất cây xanh	CX	19.602,06	19,40
3.1	Đất cây xanh công cộng	CXCC	17.223,84	
3.2	Đất cây xanh chuyên dụng	CXCD	2.378,22	
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	45.679,40	45,21
4.1	Đất bãi đậu xe	BDX	4.315,73	
4.2	Khu xử lý nước thải	DRA	120,00	
4.3	Đường giao thông		41.243,67	
Tổng cộng			101.043,66	100,0

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: 260 lô đất ở có diện tích sử dụng đất 28.560,2 m²; 01 khu đất công cộng có diện tích 7.202,00 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: Hệ thống đường giao thông, hệ

thống cấp điện, hệ thống cấp nước và PCCC, thông tin liên lạc.

1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải; hệ thống thu gom, thoát nước mưa.
- Cây xanh với diện tích khoảng 19.602,06 m².
- Hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 1 công suất 50 m³/ngày.đêm.
- Khu tập kết trang thiết bị thu gom rác, diện tích 10 m² tại khu vực cây xanh phía Đông dự án.

1.3.4. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ với diện tích chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 94.301,19 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước khu vực.

- Trong giai đoạn vận hành: Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên các tuyến đường xung quanh dự án phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải; hoạt động sinh hoạt của cư dân sinh sống trong dự án phát sinh chất thải sinh hoạt,...

- Hoạt động duy tu, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án như hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, giao thông.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ với diện tích khoảng 94.301,19 m².

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải từ sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng khoảng $117,07 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu san lấp, thi công; vận hành máy móc, phương tiện thi công trên công trường,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x , NO_x , SO_2 , VOC,...

b) Giai đoạn hoạt động

Hoạt động giao thông của người dân, quá trình dọn vệ sinh khu vực công cộng; khí thải từ quá trình nấu nướng của người dân,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x , NO_x , SO_2 , VOC,...

3.2. ***Chất thải rắn, chất thải nguy hại***

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng $34,25 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu khoảng 60 - 70% chất hữu cơ (rác thực phẩm) và 30 - 40% các thành phần khác nhau (giấy, nhựa, thủy tinh,...).

b) Giai đoạn hoạt động

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng $712,3 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu khoảng 60 - 70% chất hữu cơ (rác thực phẩm) và 30 - 40% các thành phần khác nhau (giấy, nhựa, thủy tinh,...).

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường (chỉ đánh giá giai đoạn thi công xây dựng)

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng khoảng $465,98 \text{ m}^3$. Thành phần chủ yếu là xà bần.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng $30,3 - 50,5 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là cát, đá, sắt thép vụn, gỗ, bao bì xi măng,...

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phạm vi nền đường phát sinh với khối lượng khoảng 19.502,82 m³.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động thi công dự án, bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát với khối lượng khoảng 25 kg trong suốt quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là giẻ lau nhiễm dầu thải, các loại dầu mỡ thải, pin, ắc quy,...

b) Giai đoạn hoạt động

Hoạt động sinh hoạt của người dân tại khu vực dự án phát sinh chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát với khối lượng khoảng 0,05 - 5,2 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin, pin ắc quy thải, linh kiện điện tử hỏng, bình xịt côn trùng,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng phát sinh tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

b) Giai đoạn hoạt động

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào Dự án.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực công trình và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân và hệ thống sinh thái khu vực.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn.

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng 01 nhà vệ sinh

di động có dung tích khoảng 2 - 3 m³; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: Tạo các mương thoát nước tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa cho dự án được thiết kế tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thoát nước thải. Hướng thoát nước từ Tây sang Đông và từ Bắc vào Nam.

- + Xây dựng các tuyến cống thu gom nước mưa với tổng chiều dài 3.198m, bằng cống tròn BTCT đường kính D600; D800; D1000 và D1200 để thoát nước về phía Đông dự án, xả ra khe, rãnh thoát nước hiện trạng.

- + Xây dựng tuyến mương B=0,5m bằng BTCT đá 1x2 B20 (M250) dài 99m để thu gom nước mặt của khu dân cư hiện trạng phía Tây dự án.

- + Dọc chân taluy phía Bắc dự án, bố trí tuyến mương đất, chiều dài khoảng 381 m, bề rộng đáy kênh 0,8m, để thu gom nước cho khu vực cho khu đồng ruộng phía Bắc, thu gom vào cống thoát nước mưa dự án rồi thoát về khe, rãnh thoát nước ở phía Đông.

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải của dự án phát sinh khoảng 120 m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý như sau:

- + Giai đoạn 1 (Lượng nước thải phát sinh dưới 50 m³/ngày.đêm): Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại các hộ dân, sau đó được thu gom bằng hệ thống đường ống HDPE D200 - D300 dọc theo các tuyến đường nội bộ dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, công suất 50 m³/ngày.đêm đặt tại phía Đông dự án với công nghệ xử lý nước thải như sau: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại hộ gia đình → Hố ga → Bể thu gom → Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng → Ngăn trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Hố ga thoát nước thải. Nước thải sau xử lý đảm bảo theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A với hệ số K=1 được dẫn bằng đường ống HDPE D300 dài 46m thải ra suối hiện trạng phía Đông dự án, tọa độ điểm xả: X(m) = 1.541.217; Y(m) = 573.179 (hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰).

- + Giai đoạn 2 (Lượng nước thải phát sinh từ 50 m³/ngày.đêm trở lên): Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 1 đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh 120 m³/ngày.đêm đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A với hệ số K=1. Sau đó, nước thải được dẫn bằng đường ống HDPE D300 dài 46m thải ra suối hiện trạng phía Đông

dự án, tọa độ điểm xỏ: $X(m) = 1.541.217$; $Y(m) = 573.179$ (hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰).

+ Về lâu dài: Khi hạ tầng khung về thu gom và xử lý nước thải tập trung tại khu vực được xây dựng đồng bộ, hoàn thiện, thì hệ thống xử lý nước thải sẽ được chuyển đổi công năng thành trạm bơm để bơm nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu vực.

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư với tần suất 2,0 lần/ngày.

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, vệ sinh trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu và chất thải rắn công nghiệp thông thường: sử dụng bạt che chắn xung quanh đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường hiện trạng và tại khu vực thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại công trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh đường nội bộ.

- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Trang bị thùng rác có nắp đậy đặt tại khu vực lán trại, khu ăn uống nghỉ ngơi của công nhân.

- Yêu cầu công nhân thực hiện bỏ rác đúng nơi quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương để thu gom, vận

chuyên và xử lý chất thải rắn theo đúng quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

Các hộ gia đình sẽ tự thu gom, phân loại, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định. Các hộ gia đình có trách nhiệm chi trả chi phí thu gom chất thải rắn cho đơn vị thu gom.

4.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đất bóc tách tầng đất mặt được quản lý theo quy định tại Điều 10, Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa; phương án đề xuất lượng đất hữu cơ phát sinh được tận dụng san lấp vị trí cây xanh của dự án để trồng cây xanh.

- Xà bần từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Các chất thải có thể tái sinh tái chế như bao bì giấy, nhựa, sắt, thép,... sẽ được bán cho các đơn vị thu gom phế liệu có chức năng.

- Phần chất thải xây dựng không thể tận dụng được sẽ thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng của địa phương để thu gom, vận chuyển cùng với chất thải rắn sinh hoạt.

4.2.3. Công trình và biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại và chất thải phải kiểm soát

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thực hiện thu gom riêng chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát và lưu chứa trong các thùng chứa riêng biệt.

- Trang bị các thùng rác có nắp đậy, dán nhãn nhận biết.

- Ký hợp đồng bàn giao, vận chuyển đưa đi xử lý với đơn vị có chức năng.

b) Giai đoạn hoạt động

- Tuyên truyền, hướng dẫn cho cư dân thu gom, phân loại chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát.

- Phối hợp cơ quan quản lý môi trường của tỉnh thực hiện các chương trình thu gom chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát và hợp đồng, chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022

của Bộ TN&MT; QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Không sử dụng cùng một thời điểm nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.
- Sử dụng các thiết bị thi công được đăng kiểm, bảo dưỡng định kỳ.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ; không vận hành các thiết bị phát sinh độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 18h00 đến 6h00 sáng hôm sau.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giai đoạn vận hành

- Đơn vị quản bảo dưỡng thường xuyên chất lượng mặt đường, tăng cường trồng các dải cây xanh.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án giảm thiểu tác động do hoạt động chiếm dụng đất lúa

Chủ dự án phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức triển khai thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công và phân luồng giao thông trong quá trình thi công.
- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt

biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường. Thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất san nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- + Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- + Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Chủ dự án có trách nhiệm bàn giao đầy đủ hồ sơ giấy tờ; thông tin liên quan; quy trình vận hành và kế hoạch ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải của Dự án cho chính quyền địa phương quản lý, vận hành theo quy định.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn,

độ rung phát sinh bởi dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực dự án trong các giai đoạn của dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường./.